

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Giao chỉ tiêu sản xuất năm 2026
cho lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 07/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2026;

Căn cứ Văn bản 2965/UBND-NNMT ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3821/SNNMT-TCKHĐT ngày 10/4/2026, Văn bản số 4800/SNNMT-TCKHĐT ngày 01/5/2026; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch giao chỉ tiêu sản xuất năm 2026 cho lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản chi tiết đến các địa phương, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Giao Kế hoạch sản xuất năm 2026 đối với các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời phục vụ công tác theo dõi, đánh giá kết quả và xác định trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giảm diện tích đất bỏ hoang, không gieo cấy; hạn chế lãng phí tài nguyên đất và tăng cường bảo vệ môi trường.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong tổ chức sản xuất; phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của ngành nông nghiệp và môi trường năm

2026, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Các chỉ tiêu giao phải cụ thể, rõ ràng, khả thi, gắn với trách nhiệm của từng xã, phường, đặc khu; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

II. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THỦY SẢN NĂM 2026

- Mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GRDP theo giá so sánh năm 2010) lĩnh vực nông, lâm, thủy sản năm 2026 đạt 18.977 tỷ đồng, **tăng 2%** so với năm 2025; giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản năm 2026 (theo giá so sánh) ước đạt 40.704,1 tỷ đồng, tăng 2,02% so với năm 2025.

- Các chỉ tiêu cụ thể về diện tích gieo trồng, sản lượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các chỉ tiêu liên quan được giao cho từng xã, phường, đặc khu tại các *Phụ lục kèm theo* là căn cứ chủ yếu để tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ năm 2026.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản

- Căn cứ chỉ tiêu được giao, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế; bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đối tượng nuôi trồng thủy sản hợp lý; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; phát triển vùng sản xuất tập trung; khuyến khích phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của địa phương.

2. Phòng, chống thiên tai, dịch bệnh

- Chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, khí hậu; xây dựng và triển khai hiệu quả các phương án phòng, chống thiên tai, hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn và các hình thái thời tiết cực đoan khác.

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản; kịp thời phát hiện, khoanh vùng, xử lý triệt để các ổ dịch, hạn chế thấp nhất thiệt hại cho sản xuất.

3. Tăng cường quản lý nhà nước và phát triển bền vững

- Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ, tuần hoàn; nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện

Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện chỉ tiêu tại cơ sở; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ Kế hoạch và các chỉ tiêu được giao tại Phụ lục kèm theo để xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết theo từng mùa vụ, từng tổ đội, khu dân cư; đồng thời tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương xây dựng và tổ chức triển khai các kế hoạch, giải pháp phát triển sản xuất vụ Xuân, vụ Mùa, vụ Đông; kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng; kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-HĐND, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và kịp thời đề xuất các giải pháp chỉ đạo.

3. Các Sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thống kê thành phố;
- Sở Tài chính;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Lưu VT, N.T.Hiếu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Quân